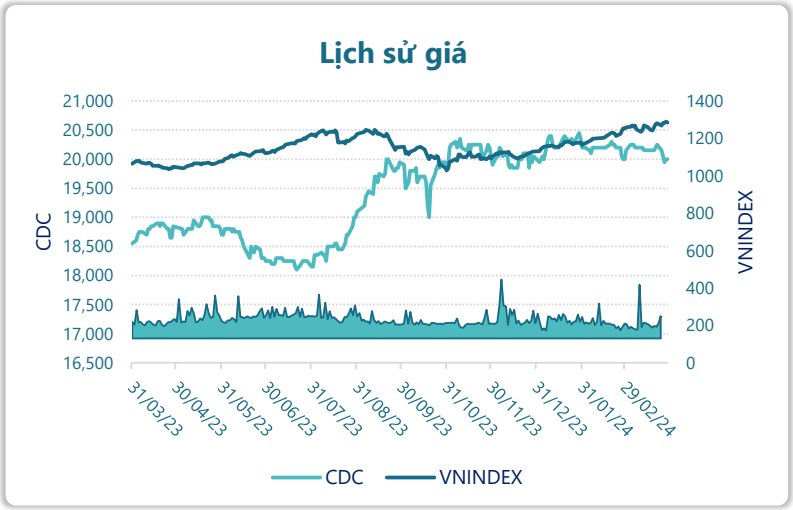
FireAnt

CTCP Chương Dương (HSX: CDC)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**20,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,450
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,100
SL cổ phiếu LH	21,988,716
KLGD BQ 20 phiên (CP)	534,666
% sở hữu nước ngoài	3.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	440
P/E	27.3
EPS	733

DT thuần

Q1/24

214

tỷ VNĐ

QoQ: ▼195| -47.7%

YoY: ▼43.0| -16.7%

LN sau thuế

Q1/24

0.75

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.75| -92.9%

YoY: ▼1.72| -69.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

5.8%

+/- YoY: ▲ 2.3%

DT thuần

2023

1,304

tỷ VNĐ

YoY: ▼21.0| -1.6%

LN sau thuế

2023

10.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.83| 81.6%

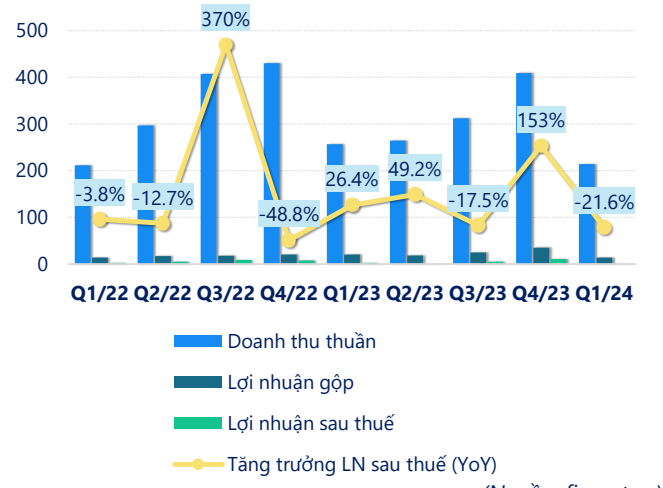
ROE

2023

2.6%

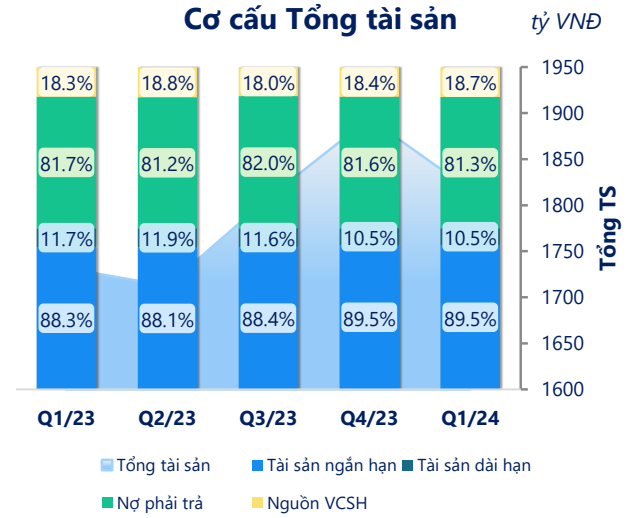
+/- YoY: ▲ 1.1%

Kết quả kinh doanh



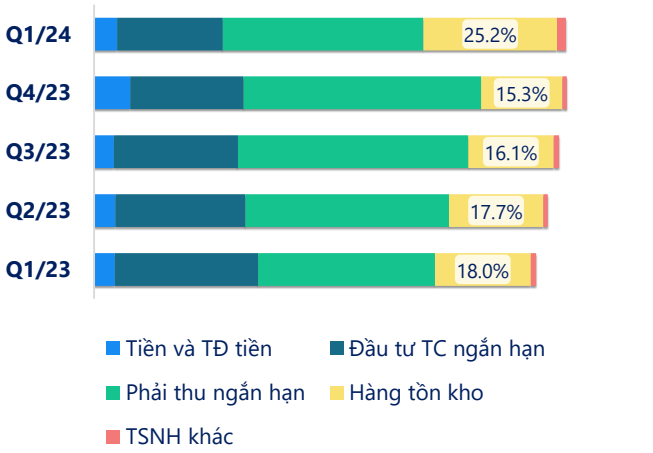
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



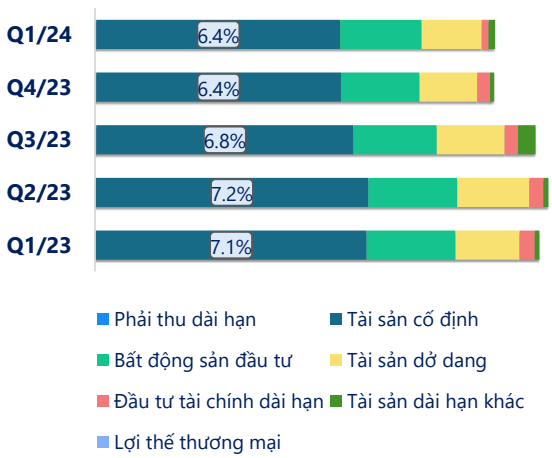
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



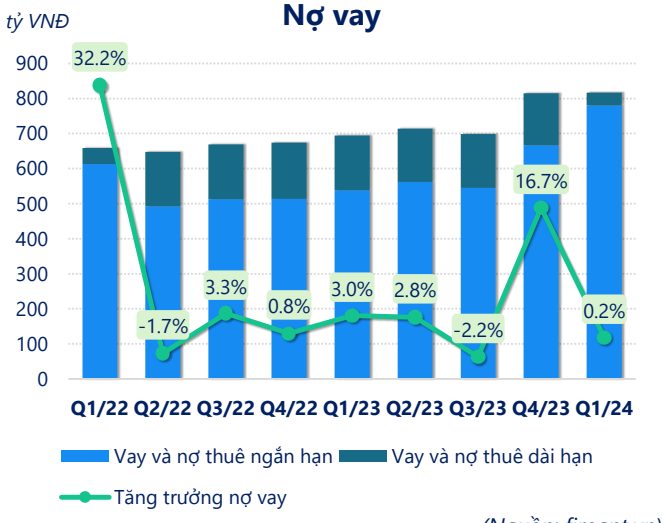
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



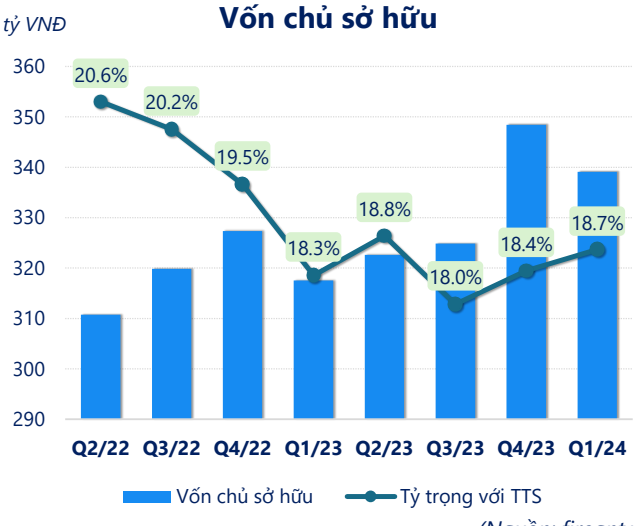
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



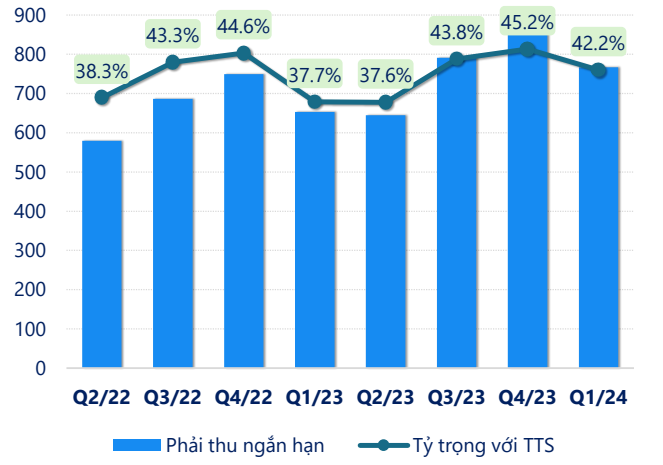
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



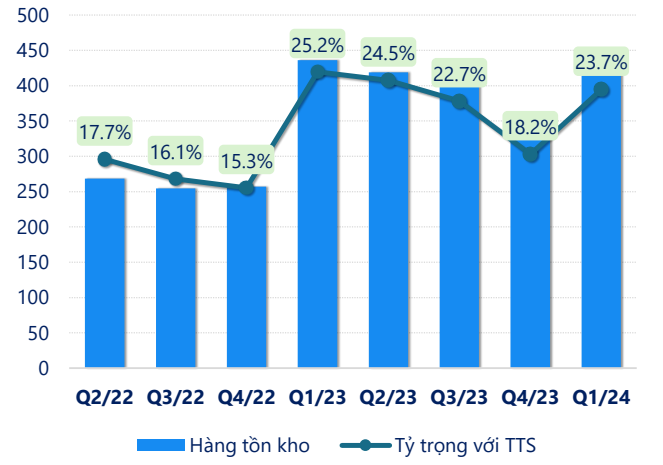
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



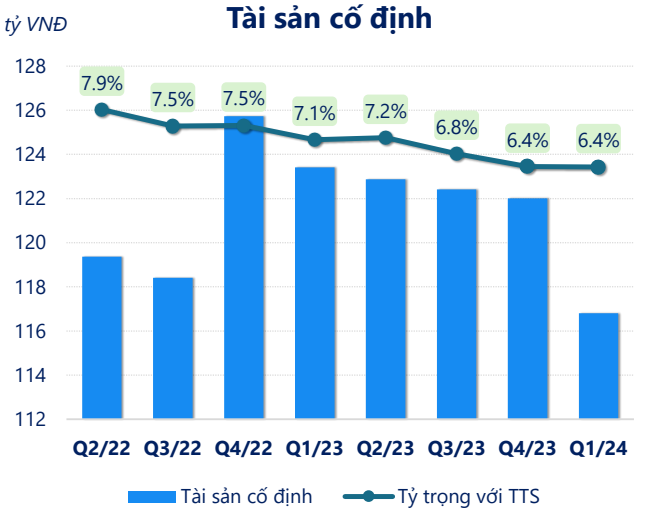
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



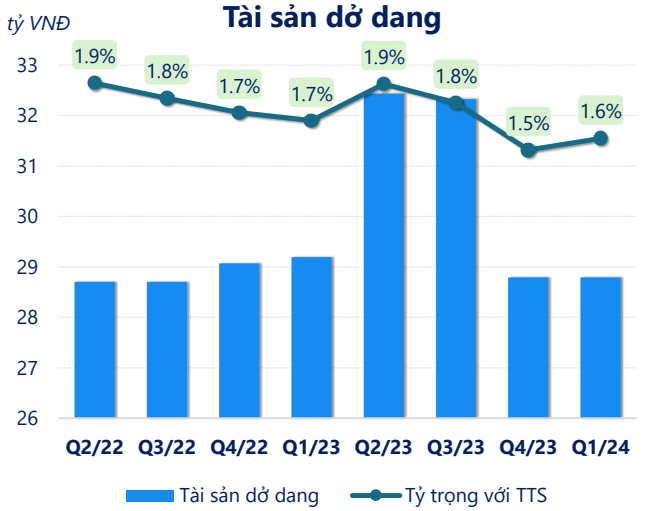
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



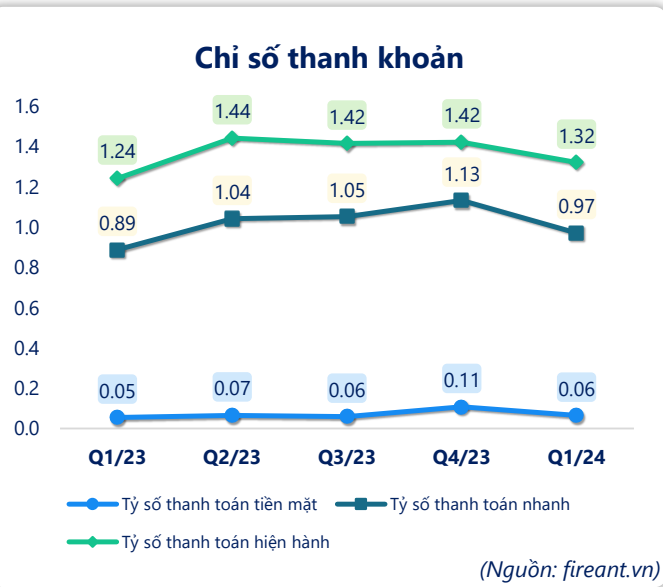
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



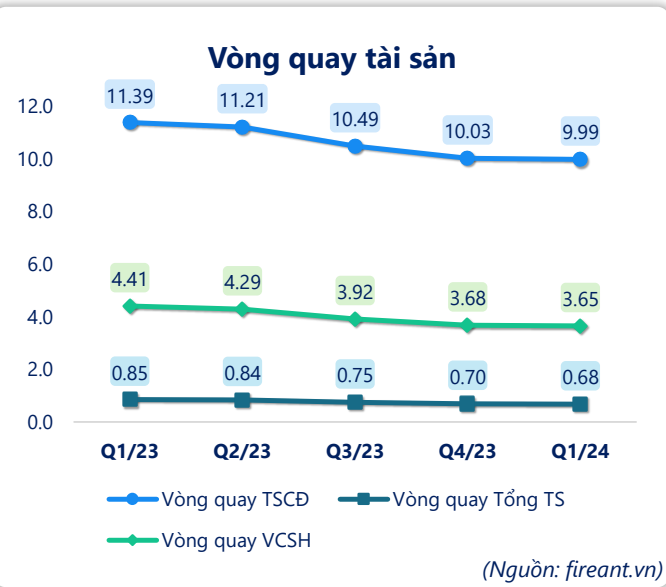
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**1,732**	**1,712**	**1,808**	**1,894**	**1,817**
Tài sản ngắn hạn	**1,529**	**1,508**	**1,598**	**1,695**	**1,625**
Tiền và tương đương tiền	67.4	68.6	67.0	128	79.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	343	347	307	343	333
Phải thu ngắn hạn	653	644	791	856	767
Hàng tồn kho	436	419	410	344	430
Tài sản ngắn hạn khác	29.1	29.4	23.1	23.1	15.8
Tài sản dài hạn	**203**	**204**	**210**	**199**	**191**
Phải thu dài hạn	0.34	0.34	0.64	0.64	0.63
Tài sản cố định	123	123	122	122	117
Bất động sản đầu tư	40.6	40.1	39.7	39.2	38.8
Tài sản dở dang	29.2	32.4	32.3	28.8	28.8
Đầu tư tài chính dài hạn	7.02	6.30	6.30	6.30	3.30
Tài sản dài hạn khác	2.12	2.33	8.38	2.21	3.05
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,414**	**1,390**	**1,483**	**1,546**	**1,478**
Nợ ngắn hạn	**1,231**	**1,045**	**1,129**	**1,192**	**1,230**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	538	562	545	666	780
Phải trả người bán ngắn hạn	231	167	224	218	183
Nợ dài hạn	184	345	354	354	248
Vay và nợ thuê dài hạn	156	152	153	149	37.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	**318**	**323**	**325**	**348**	**339**
Vốn chủ sở hữu	**318**	**323**	**325**	**348**	**339**
Vốn điều lệ	220	220	220	220	220
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)